

Cấu trúc và tái cấu trúc nền kinh tế trong quá trình phát triển của Việt Nam

LÊ CAO ĐOÀN

Hiện nay tái cấu trúc đang là vấn đề được đặt ra đối với nền kinh tế Việt Nam và đó là vấn đề hệ trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của kinh tế. Vậy trên cơ sở nào và với phương thức nào nền kinh tế được tái cấu trúc? Để trả lời câu hỏi này, bài viết làm rõ lý luận về cấu trúc và tái cấu trúc nền kinh tế, chỉ ra bản chất, quy luật và những tác động đến việc cấu trúc một nền kinh tế; đồng thời, làm rõ vấn đề cơ bản và quyết định của việc cấu trúc của nền kinh tế Việt Nam trong quan hệ với thiết lập một hệ thống kinh tế cần thiết để đưa nền kinh tế Việt Nam đến sự phát triển hiện đại.

Trong những năm gần đây vấn đề tái cấu trúc nền kinh tế đã được đặt ra một cách cấp thiết và trở thành chủ đề nghiên cứu khá sôi nổi. Sở dĩ vấn đề tái cấu trúc nền kinh tế được đặt ra vì: i) tăng trưởng của nền kinh tế đã bị suy giảm và có chất lượng quá thấp; ii) đã hình thành những mất cân đối, những nghịch lý, những nút thắt trong nền kinh tế tạo thành những cản trở nặng nề đối với sự phát triển; iii) phát sinh những tệ nạn làm tổn thương nghiêm trọng đến cơ thể của nền kinh tế; iv) rất cuộc, những điều này khiến cho nền kinh tế khó có thể vượt qua làn sóng nông nghiệp để chuyển sang làn sóng công nghiệp, đương nhiên lại càng khó cho việc cùng lúc vượt qua làn sóng công nghiệp để bắt kịp làn sóng phát triển hiện đại, là làn sóng đang chi phối và quyết định thời đại phát triển hiện nay. Nói khác đi, nền kinh tế có nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình.

Những nghiên cứu vừa qua về tái cấu trúc nền kinh tế chủ yếu xoay quanh việc tổ chức lại các lĩnh vực trong hoạt động kinh tế, chẳng hạn tổ chức lại các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế nhà nước, tổ chức lại hệ thống ngân hàng, thị trường tài chính, lĩnh vực đầu tư công, hoặc lĩnh vực kinh doanh bất động sản. Qua những nghiên cứu này, ta thấy, tái cấu trúc được hiểu là: i) quá trình nhà nước tổ chức lại một số lĩnh vực hoạt

động của nền kinh tế, nhằm năng động hóa và nâng cao năng lực, hiệu quả của các lĩnh vực hoạt động của nền kinh tế; ii) là việc sửa chữa, hoàn chỉnh, thay đổi các cấu phần hợp thành nền kinh tế cho thích hợp với yêu cầu hoạt động của nền kinh tế. Cách hiểu này, xem tái cấu trúc là những tác động chủ quan của nhà nước vào nền kinh tế, mà không thấy, đó là quá trình nội tại theo những quy luật khách quan của sự phát triển kinh tế, mặt khác, cấu trúc kinh tế là một phép cộng của các cấu phần, chứ không phải là một hệ thống, một cơ thể hay một bộ máy tổng thể. Có thể nói cách hiểu tái cấu trúc như vậy mới đúng ở ngoài rìa vấn đề tái cấu trúc, vấn đề thay đổi một hệ thống kinh tế. Hiểu tái cấu trúc kinh tế như vậy sẽ không thể xử lý được vấn đề thiết lập một hệ thống kinh tế cần thiết cho sự phát triển. Vấn đề là ở chỗ, cần phải hiểu bản chất của cấu trúc kinh tế và những quy luật nội tại của sự thay đổi cấu trúc nền kinh tế. Bởi vậy, bài viết này nhằm làm rõ lý luận về cấu trúc và sự thay đổi cấu trúc của một nền kinh tế, từ đây phân tích vấn đề cơ bản của việc xác lập nền kinh tế cho quá trình phát triển của Việt Nam.

1. Cấu trúc và tái cấu trúc nền kinh tế: lý luận và thực tiễn

1.1. Những lý luận về cấu trúc kinh tế

Lê Cao Đoàn, PGS.TS, Viện Kinh tế Việt Nam.

• Trong lời nói đầu cuốn “Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị”, C.Mác viết: “Nhưng bao giờ sản xuất cũng có một cơ thể xã hội nhất định, một chủ thể xã hội đang hoạt động trong một tổng thể to lớn các ngành sản xuất... sản xuất coi như là một tổng thể toàn bộ”. Nói khác đi, nền kinh tế là một cơ thể, một hệ thống xã hội trong đó của cải được sản xuất, phân phối và tiêu dùng, tức được tái sản xuất, do đó nền kinh tế được hiểu là một hệ thống, một bộ máy kinh tế. Một khi đã là một hệ thống, một bộ máy, thì nền kinh tế được tiếp cận ở khía cạnh cấu trúc, tức xem xét hệ thống đó hay bộ máy đó được kiến tạo như thế nào và có cấu tạo theo cách thức nào. Việc phân tích một nền kinh tế, thực chất là giải phẫu cơ thể của bộ máy kinh tế. Với những lát cắt khác nhau người ta sẽ nắm được cấu trúc nội tại của nền kinh tế. Qua cấu trúc của nền kinh tế, người ta sẽ hiểu được bản chất, trình độ phát triển và sức sản xuất của một nền kinh tế.

• Là một hệ thống kinh tế, cái quyết định và làm cho nền kinh tế thành một chỉnh thể lại chính là phương thức sản xuất. C.Mác viết: “Những thời đại kinh tế khác nhau không phải chúng sản xuất ra cái gì, mà là ở chỗ chúng sản xuất ra bằng cách nào, với những tư liệu sản xuất nào”; và C.Mác phân tích nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, tìm ra bản chất, cũng như các quy luật kinh tế của nó, thực chất là phân tích phương thức sản xuất của nền sản xuất tư bản. Ông viết: “Đôi tượng nghiên cứu của tôi là phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những quan hệ sản xuất và trao đổi thích ứng với phương thức sản xuất ấy”. Ở đây, phương thức sản xuất là cái chỉnh thể quyết định cơ bản và tổng quát đến toàn bộ và xuyên suốt sự phát triển của nền kinh tế. Cũng chính phương thức sản xuất là cái cấu trúc nên kinh tế thành một hệ thống, thành một bộ máy theo diện mạo và nguyên lý của nó, do đó là cái quyết định cấu trúc cả nền kinh tế.

Ta cần phân tích mối quan hệ giữa phương thức sản xuất và cấu trúc kinh tế của

nền sản xuất xã hội. Về mặt tư duy, việc phân biệt phương thức sản xuất và kết cấu kinh tế là một sự trừu tượng, một cách tiếp cận khác nhau để hiểu nền kinh tế như một chỉnh thể, một cá thể, một bộ máy kinh tế. Ta biết rằng, trong việc sản xuất ra của cải vật chất:

Trước hết, là quá trình diễn ra quan hệ giữa con người và tự nhiên, trong đó con người với tính cách là chủ thể, là một sức lao động, dùng công cụ, và nói chung là tư liệu lao động tác động vào tự nhiên với tính cách là đối tượng sản xuất, làm thay đổi tự nhiên để tạo ra những giá trị sử dụng thích ứng với nhu cầu của mình. Đó là quá trình sản xuất. Toàn bộ những yếu tố cấu thành nên quá trình sản xuất, là nội dung vật chất, hay lực lượng sản xuất. Thường người ta quan niệm thô thiển, lực lượng sản xuất là sức lao động và tư liệu sản xuất. Thực ra định nghĩa này đã bỏ qua ba yếu tố quyết định của lực lượng sản xuất: i) đó là là cách thức kết hợp của lao động trong quá trình sản xuất, tức phân công và hiệp tác, tạo ra sức sản xuất xã hội của lao động; ii) kỹ thuật và công nghệ sản xuất; iii) cách thức tổ chức và quản lý quá trình sản xuất. Ba yếu tố này thể hiện mặt chất, do đó trình độ phát triển của lực lượng sản xuất đồng thời là nhân tố quyết định năng lực và sức sản xuất của nền sản xuất xã hội. Có thể nói, sự phát triển của nền sản xuất, là sự phát triển của lực lượng sản xuất, đó là sự tăng lên về lượng, về quy mô của lực lượng sản xuất và được quyết định ở sự thay đổi về chất trong lực lượng sản xuất. Cũng nhận thấy rằng, sự phát triển của lực lượng sản xuất là quá trình tích lũy năng lực sản xuất của một xã hội, là quá trình vật chất hóa tri thức vào tư liệu sản xuất, vào kỹ thuật, công nghệ và cách thức quản lý.

Thứ hai, việc sản xuất ra của cải vật chất, diễn ra trên cơ sở quan hệ giữa con người với con người, hay quan hệ sản xuất. Nếu lực lượng sản xuất là nội dung vật chất của quá trình sản xuất, thì quan hệ sản xuất, là quan hệ kinh tế, là hình thái xã hội của quá trình sản xuất.

Sự thống nhất của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong một chỉnh thể tạo thành một phương thức sản xuất. Ở đây, phương thức sản xuất được quyết định bởi người ta tiến hành sản xuất bằng lực lượng sản xuất nào và trên cơ sở những quan hệ sản xuất nào, hay với một nội dung vật chất nào và với hình thái xã hội nào. Nếu trong trạng thái tĩnh, ta có cảm tưởng là trong phương thức sản xuất, lực lượng sản xuất là cái quyết định. C.Mác từng chỉ ra: “Những quan hệ xã hội đều gắn liền mật thiết với những lực lượng sản xuất. Do có được những lực lượng sản xuất mới, loài người thay đổi phương thức sản xuất của mình, và do thay đổi phương thức sản xuất, cách kiếm sống của mình, loài người thay đổi tất cả những quan hệ xã hội của mình. Cái cối xay quay bằng tay đưa lại xã hội có lãnh chúa, cái cối xay chạy bằng hơi nước đưa lại xã hội có nhà tư bản công nghiệp”¹. Nhưng vượt qua quyết định luận về lực lượng sản xuất, chuyển từ duy sang trạng thái động, tức đặt phương thức sản xuất trong sự vận động không ngừng, ta sẽ thấy, lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, do là các mặt khác nhau của phương thức sản xuất nên có chức năng khác nhau, do đó chúng tương tác và quy định lẫn nhau.

Điều quyết định ở đây là, phương thức sản xuất đã cấu trúc nền kinh tế như thế nào thành một chỉnh thể, thành một hệ thống, hay một bộ máy kinh tế.

C.Mác có một luận đề: “Một cái máy không dùng vào quá trình lao động là một cái máy vô ích. Ngoài ra nó còn bị hư hỏng đi do sức mạnh phá hủy của sự trao đổi vật chất tự nhiên... Lao động sống phải nắm lấy những vật đó, và cái tử hoàn sinh cho chúng, biến chúng từ những giá trị sử dụng chỉ có tính chất khả năng thành những giá trị sử dụng hiện thực và tác động”². Điều này cho thấy, năng lực và sức sản xuất của một nền kinh tế không chỉ phụ thuộc vào số lượng, chất lượng và các yếu tố sản xuất nhiều ít, tốt xấu như thế nào, mà điều quyết định còn ở chỗ chúng

được cấu trúc như thế nào trong một hệ thống, một bộ máy kinh tế, hơn nữa có một đời sống kinh tế như thế nào do hệ thống kinh tế đó tạo ra.

Nhưng một câu hỏi đặt ra, vậy cái gì quyết định người ta lao động, tức kết hợp các yếu tố của sản xuất thành một quá trình sản xuất ra của cải và duy trì việc sản xuất đó trong một quá trình tái sản xuất? Suy rộng ra cái gì quyết định các quá trình sản xuất được cấu trúc thành một chỉnh thể của một hệ thống sản xuất xã hội? Trước hết, ta thấy rằng, sản xuất ra của cải của các cá nhân là một hoạt động có tính chất xã hội, tức cá nhân sản xuất trong một xã hội và một nền sản xuất xã hội nhất định của các cá nhân. Ở đây, quan hệ xã hội giữa con người trong quá trình sản xuất – quan hệ sản xuất, quan hệ kinh tế chính là nền tảng trên đó hình thành nên nền sản xuất xã hội – hay cấu trúc các quá trình sản xuất thành một chỉnh thể là hệ thống sản xuất, hay nền sản xuất xã hội. C.Mác viết: “Toàn bộ quan hệ sản xuất ấy hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội”. Chính các quan hệ sản xuất là cái kết hợp các yếu tố sản xuất hay các lực lượng sản xuất thành một quan hệ sản xuất, và cấu trúc các quan hệ sản xuất thành một hệ thống sản xuất xã hội, thành một nền kinh tế.

Trong hệ thống quan hệ sản xuất làm thành nền tảng trên đó xác lập nền sản xuất xã hội thì cơ chế kinh tế và quy luật kinh tế lại là cái quyết định sự vận hành và phát triển của toàn bộ bộ máy kinh tế. Ở đây, chính quy luật kinh tế cơ bản là cái quyết định bản chất của phương thức sản xuất, và của hệ thống kinh tế. Nó là cái tập trung nhất, do đó là cái chỉnh thể cấu trúc nền kinh tế thành một hệ thống, thành một bộ máy kinh tế. Quy luật kinh tế cơ bản, một mặt, đòi

1. C.Mác “Sự khôn cùng của triết học”. Trong C.Mác và Ph.Ăng-ghen, toàn tập, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, tr. 187.

2. C.Mác - Tư Bản. Trong C.Mác và Ph.Ăng-ghen, toàn tập, tập 23, tr. 274.

hội toàn bộ hoạt động của nền kinh tế phải đáp ứng yêu cầu của nó; mặt khác, nó hình thành nên động lực thúc đẩy, chi phối toàn bộ sự vận động, phát triển của hoạt động kinh tế. Cũng nhận thấy rằng, trên cơ sở hệ thống quan hệ kinh tế và thông qua cơ chế kinh tế, quy luật kinh tế cơ bản, quyết định đến trạng thái phân công lao động xã hội, đến trạng thái kỹ thuật, công nghệ, đến cách thức kết hợp các yếu tố sản xuất thành một quá trình sản xuất, do đó quyết định đến hình thức kinh tế, hay hình thức tổ chức của việc sản xuất, phân phối, tiêu dùng của cải, quyết định đến sự hình thành các khâu của quá trình tái sản xuất, cũng như chu trình kinh tế nội tại của toàn bộ hoạt động kinh tế. Nói khác đi, chính hệ thống quan hệ kinh tế là nền tảng trên đó nền kinh tế được kiến tạo, được cấu trúc thành một bộ máy thích ứng với quy luật kinh tế, thông qua cơ chế kinh tế quyết định toàn bộ sự phát triển của một nền kinh tế.

Như vậy, sự thay đổi trong phương thức sản xuất, rốt cuộc làm thay đổi cấu trúc của một nền kinh tế. Ở đây phương thức sản xuất và cấu trúc kinh tế có quan hệ nhân quả, nhưng đồng thời, là cách thức biểu hiện lẫn nhau: cấu trúc kinh tế là biểu hiện của một phương thức sản xuất, và cấu trúc kinh tế có nguồn gốc từ phương thức sản xuất. Có mấy điểm nhấn mạnh:

i) Sự thay đổi của phương thức sản xuất, của kết cấu kinh tế là một quá trình lịch sử. Tự nhiên, tức một sự thay đổi cấu trúc hay kết cấu của một hệ thống kinh tế là khách quan và sự thay đổi của nó được quyết định bởi quy luật kinh tế.

ii) Phương thức sản xuất và cấu trúc kinh tế thay đổi và phát triển không ngừng, do vậy, thích ứng với mỗi một trình độ phát triển, chúng có một năng lực sản xuất, một sức sản xuất và một hiệu quả thích ứng. Đến lượt mình chính năng lực sản xuất, sức sản xuất và hiệu quả thể hiện trình độ phát triển của một phương thức sản xuất và kết cấu kinh tế thích ứng. Bởi vậy, sự trực trác trong

nền kinh tế ở mức trầm trọng đòi hỏi phải tái cấu trúc là bắt nguồn trong sự thay đổi của phương thức sản xuất và do đó của cấu trúc kinh tế.

iii) Sự phát triển, hay sự cấu trúc lại của nền kinh tế, một mặt là chịu sự chi phối của các quy luật kinh tế khách quan, mặt khác là chịu sự chi phối của hoạt động tham dự của con người, của xã hội. Hoạt động tham dự này chịu sự chi phối của tư duy, của nhận thức, tức hoạt động chủ quan của con người, của xã hội. Trong hoạt động của mình, con người, xã hội luôn có hoạt động nhận thức trong việc xây dựng mục tiêu của hoạt động và quyết định cách thức hoạt động để đạt tới mục tiêu thông qua việc đề ra chiến lược, lựa chọn con đường, hình thức tổ chức, quản lý các hoạt động của mình. Ở đây nếu nhận thức dùng các quy luật, các xu hướng khách quan và đưa ra mục tiêu và cách thức, con đường đạt tới mục tiêu phù hợp với yêu cầu của sự phát triển khách quan, hoạt động tham dự của con người sẽ có phản hồi dương, tức thúc đẩy sự phát triển: trái lại sẽ có phản hồi âm, tức cản trở sự phát triển, thậm chí chống lại sự phát triển. Sự tham dự của xã hội vào sự phát triển được tập trung ở nhà nước. Nhà nước là một cấu phần đặc biệt của hệ thống xã hội. Thông qua chức năng của mình, nhà nước có tác động đặc biệt quan trọng, thậm chí quyết định đến sự phát triển. Điều này hàm nghĩa, phân tích cấu trúc và tái cấu trúc nền kinh tế cần dành một sự quan tâm đặc biệt đến yếu tố nhà nước.

iv) Khái niệm cấu trúc được hiểu đạt bởi nhiều danh từ: kết cấu, cấu tạo, cơ cấu... Ở một ý nghĩa nhất định, chúng đồng đẳng, có thể dùng thay thế nhau trong từng ngữ cảnh. Cái thống nhất của các khái niệm này là, hệ thống lập thành bởi một chỉnh thể đều có một cấu trúc nhất định được đặc trưng bởi các mối quan hệ giữa các cấu phần, bộ phận kiến tạo nên hệ thống đó. Ở đây, các cấu phần, hay bộ phận có chức năng nhất định, kết hợp với nhau theo một cách thức nhất định, tạo ra một phương thức tương tác thích

ứng, tạo ra một hệ thống có đặc thù và với một sự vận động nhất định. Như trên đã phân tích, chính các quan hệ, cơ chế tương tác và quy luật vận động thể hiện mặt chất, hay bản chất của hệ thống, hay của cấu trúc. Về mặt lượng, đó là tương quan có thể quy thành các bộ phận tham gia thiết lập nên hệ thống. Đương nhiên, để xác định tương quan về mặt lượng, thì hệ thống đó phải có một đại lượng chung, từ đây, dù các bộ phận hợp thành hệ thống đó có khác nhau thế nào, cũng vẫn có thể xác định được tỷ trọng, tức tính theo % của các bộ phận đặc thù trong một tổng thể chung. Hệ thống kinh tế, ở trình độ phát triển cao, khi của cải của nền kinh tế mang hình thái hàng hóa, khi đó chúng có một đại lượng chung là giá trị, mà hình thái chung của giá trị là tiền tệ, do vậy có thể xác định được tỷ lệ, hay tỷ trọng của mỗi một bộ phận, từ đó hiểu được tương quan về lượng giữa các bộ phận làm thành cấu trúc của nền kinh tế.

1.2. Sự tiến triển của cấu trúc nền kinh tế trong quá trình phát triển

Để hiểu về tái cấu trúc kinh tế, cần xem xét sự tiến hóa của cấu trúc kinh tế. Bởi vì sự phát triển của phương thức sản xuất có những bước ngoặt, trong đó phương thức sản xuất có sự thay đổi về chất: đến lượt mình sự thay đổi về chất này của phương thức sản xuất được xác lập => một cấu trúc kinh tế, một thời đại kinh tế nhất định.

1.2.1. Làn sóng nông nghiệp

Lịch sử của nhân loại ở một ý nghĩa nhất định là lịch sử của sự thay đổi, phát triển của phương thức sản xuất. Về đại thể có thể coi các phương thức sản xuất Châu Á cổ đại, phong kiến và tư sản hiện đại là những thời đại tiến triển dần dần của hình thái kinh tế - xã hội³; nhưng xét từ góc độ văn minh, thì có thể chia lịch sử thành ba làn sóng: làn sóng nông nghiệp, làn sóng công nghiệp và làn sóng hậu công nghiệp. Trong cách chia lịch sử thành những làn sóng văn minh khác nhau là dựa trực tiếp vào kết cấu kinh tế, mà

kết cấu kinh tế lại lấy ngành kinh tế nền tảng làm căn cứ để xác định làn sóng, hay thời đại kinh tế. Hai cách chia này là nhất quán, đó chính là trình độ phát triển của kinh tế. Các phương thức sản xuất trước làn sóng công nghiệp, có sự phát triển khác nhau, song chúng đều có một điểm chung căn bản: nông nghiệp là ngành kinh tế nền tảng. Nông nghiệp là cái cấu trúc nền sản xuất xã hội theo diện mạo của mình. Ở đây, mọi hoạt động kinh tế, xã hội là xoay quanh nông nghiệp. Để hiểu cấu trúc của nền kinh tế trong làn sóng nông nghiệp, cần hiểu về bản chất kinh tế của nông nghiệp giữ vị trí nền tảng kinh tế của làn sóng này. Đó là nông nghiệp tiểu nông. Tiểu nông với tính cách là một phương thức sản xuất, có những đặc tính sau:

i) Đó là phương thức sản xuất dựa trên kỹ thuật thủ công, kỹ thuật với công cụ cầm tay.

ii) Lao động hiệp tác chưa thành một tất yếu trong sản xuất, vì vậy lao động cơ bản là lao động cá thể, riêng lẻ.

iii) Đó là phương thức sản xuất dựa trên một trình độ thấp kém của phân công lao động xã hội. Đến lượt mình do phân công lao động xã hội chưa phát triển, nên một mặt, về cơ bản sản xuất còn khép kín trong các đơn vị kinh tế, do vậy, mỗi đơn vị là một đơn vị sản xuất - tiêu dùng khép kín độc lập, tách rời; mặt khác, sản phẩm của lao động chưa có cơ sở để thành hàng hóa, do vậy sản phẩm của lao động chủ yếu là để tiêu dùng trực tiếp của người sản xuất. Ở đây, sản xuất là một quá trình trao đổi giữa con người với tự nhiên hơn là quá trình trao đổi xã hội.

iv) Phương thức sản xuất tiểu nông được xác lập với các quan hệ lệ thuộc, lệ thuộc gia trưởng, lệ thuộc nông nô, lệ thuộc phong kiến.

3. C.Mác - Góp phần phê phán khoa kinh tế - chính trị - Jôn tuta. Trong C.Mác - Ph.Ăng-ghen toàn tập, tập 13. Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội, 1993, tr. 16.

Với những đặc điểm trên, nền kinh tế với nông nghiệp tiểu nông làm nền tảng có những tính chất sau: i) đó là nền sản xuất nhỏ, sản xuất hàng hóa giản đơn, về cơ bản là kinh tế tự nhiên, tự cung tự cấp; ii) phân công lao động xã hội thấp kém, công nghiệp chưa tách khỏi nông nghiệp, mọi nguồn lực của xã hội phải tập trung cho nông nghiệp và hoạt động của xã hội là xoay quanh nông nghiệp nhằm giải quyết vấn đề ăn, túc vấn đề sinh tồn, đó là nền kinh tế tất yếu, phi cơ cấu; iii) năng suất lao động thấp, chưa vượt khỏi vạch tất yếu, thặng dư ít, do đó nền sản xuất chưa có cơ sở để thực hiện tái sản xuất mở rộng, do vậy kinh tế diễn ra trong sự trì trệ, tăng trưởng kinh tế chưa thành một quy luật tất yếu, sự vận động của nền kinh tế diễn ra trong vòng luẩn quẩn: nghèo đẻ ra nghèo.

1.2.2. Làn sóng công nghiệp: hệ thống kinh tế thị trường - công nghiệp

- Quá trình thị trường hóa xác lập hệ kinh tế thị trường cho cấu trúc kinh tế thị trường - công nghiệp của sự phát triển.

- Quá trình phân công lao động xã hội, tách công nghiệp khỏi nông nghiệp và đại công nghiệp cấu trúc nền sản xuất xã hội, biến thành một hệ thống công nghiệp, trong đó các ngành sản xuất, các lĩnh vực sản xuất là những ngành, những lĩnh vực công nghiệp đặc thù. Đây là cơ sở vật chất trong đó lao động được phân ly thành lao động tư nhân và lao động xã hội, lao động cụ thể và lao động trừu tượng, khiến cho sản phẩm của lao động mang hình thái hàng hóa, còn lao động kết tinh trong hàng hóa mang hình thái giá trị. Điều này quy định, sản xuất của nền sản xuất xã hội là sản xuất ra hàng hóa mà thực chất là sản xuất ra giá trị, do vậy nền kinh tế là nền sản xuất hàng hóa và vận động của nền kinh tế là sự vận động của giá trị.

Ta cần hiểu sâu hơn về vấn đề giá trị. Một mặt giá trị là một quan hệ kinh tế, hơn nữa là một quan hệ kinh tế cơ bản và trên cơ sở

quan hệ giá trị phát sinh quy luật giá trị và cơ chế thị trường. Quy luật giá trị yêu cầu sản xuất, trao đổi hàng hóa là trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết. Mặt khác, giá trị có hình thái là tiền tệ. do vậy quan hệ giá trị có hình thái là quan hệ giữa hàng hóa và tiền tệ, rồi cuộc sự vận động của giá trị biểu hiện và thông qua sự vận động của quan hệ hàng hóa - tiền tệ. Thực chất của quan hệ hàng hóa - tiền tệ là quan hệ trao đổi mua và bán: $H - T$ và $T - H$. Ở đây, quan hệ mua - bán, chính là quan hệ thực hiện giá trị hàng hóa, qua đây sự trao đổi và thay đổi quyền sở hữu được thực hiện. Điều hệ trọng nhất trong quan hệ $H - T - H$ là thiết lập quan hệ thị trường và từ quan hệ này giá cả được xác lập. Thực chất giá cả là tiền tệ của giá trị, nhưng khi giá cả được xác lập thì giá cả lại là trung tâm của toàn bộ sự vận động của giá trị, của quan hệ hàng hóa - tiền tệ, hay của toàn bộ nền kinh tế. Bởi vì giá cả chính là sự cân bằng của cung và cầu, do vậy là người lính chỉ đường cho mọi hành vi kinh tế của những chủ thể trong nền kinh tế hàng hóa. Trên đây ta thấy quy luật giá trị yêu cầu sản xuất và trao đổi hàng hóa là tuân theo quy luật giá trị, thực chất là tuân theo giá cả thị trường:

- i) Giá cả quyết định mua bán là theo giá cả thị trường. Đây là nguyên lý ngang giá của nền kinh tế thị trường. Giá cả điều tiết việc sản xuất cái gì, khi giá cả lên cao, hàng hóa khan hiếm hơn, người sản xuất hàng hóa sẽ tăng sản xuất; khi giá cả xuống thấp hay cung lớn hơn cầu, người sản xuất sẽ giảm hoặc dừng sản xuất.

- ii) Giá cả chi phối người ta sản xuất như thế nào. Mua bán hàng hóa trên thị trường là theo giá cả thị trường. bởi vậy, nếu người sản xuất hàng hóa tiết kiệm được chi phí (lao động sống và lao động quá khứ), thì người sản xuất sẽ thu được giá trị siêu ngạch. Đây chính là động lực người sản xuất hàng hóa quyết định phương thức sản xuất của mình trong quan hệ với việc tăng sức sản xuất, tiết kiệm được chi phí và nâng cao hiệu quả.

iii) Giá cả có một chức năng và vai trò quyết định như vậy, nên việc hình thành giá cả phản ánh đúng quan hệ và quy luật giá trị rất quan trọng. Vì vậy, việc hình thành giá cả của nền kinh tế là vấn đề quyết định của toàn bộ hoạt động của nền sản xuất hàng hóa. Mà giá cả trong nền kinh tế thị trường được hình thành bởi cơ chế thị trường, vì vậy xét cho cùng, cơ chế thị trường với tính cách là cơ chế quyết định những vấn đề cơ bản của nền kinh tế, là cái quyết định toàn bộ sự hoạt động của nền kinh tế. Bởi vậy, nền kinh tế do cơ chế thị trường chi phối, quyết định những vấn đề cơ bản, được gọi là nền kinh tế thị trường.

- Ta biết rằng khi của cải của nền sản xuất thị trường mang hình thái hàng hóa, thì trong hoạt động kinh tế có một sự chuyển hóa quyết định: người sản xuất hàng hóa chuyển thành người đầu tư kinh doanh. Người sản xuất hàng hóa bỏ tiền ra mua tư liệu sản xuất, nói chung các yếu tố sản xuất, kể cả sức lao động để sản xuất ra hàng hóa nhằm để bán. Ở đây đã diễn ra hai sự chuyển hóa: i) chuyển tiền thành vốn đầu tư, hay chuyển tiền thành tư bản; và ii) chuyển mục đích sản xuất ra hàng hóa để bán thành mục đích làm tăng giá trị của vốn đầu tư, hay của giá trị tư bản, tức sản xuất ra giá trị gia tăng, hay giá trị thặng dư. Công thức tổng quát của tư bản ở đây là $T - H - T' (T + \Delta T)$, hay rút gọn $T \Rightarrow T' (T + \Delta T)$. Những chuyển hóa này $\Rightarrow$ xác lập quan hệ tư bản của nền sản xuất và quy luật kinh tế cơ bản của tư bản: quy luật sản xuất ra giá trị thặng dư.

Như vậy, kinh tế thị trường được đặc trưng bởi cơ chế thị trường với nguyên lý ngang giá là cơ chế vận hành của nền kinh tế, và quy luật kinh tế cơ bản là quy luật giá trị thặng dư, hình thành nguyên lý sinh lợi. Chính quy luật giá trị thặng dư, nguyên lý sinh lợi $\Rightarrow$ động lực của hệ thống kinh tế. Đây là những yếu tố cơ bản và quy luật làm thành cái chỉnh thể của cấu trúc tổng thể của hệ kinh tế thị trường và làm cho hệ thống kinh tế thị trường $\Rightarrow$ hệ kinh tế cần thiết của sự phát triển.

• Cách mạng công nghiệp, công nghiệp hóa hình thành cấu trúc công nghiệp của hệ thống kinh tế thị trường - công nghiệp.

Dưới sự thúc đẩy của cơ chế thị trường và quy luật sản xuất ra giá trị thặng dư, đáp ứng yêu cầu của cạnh tranh và của việc tăng ứng sản xuất của tư bản trong việc sản xuất ra giá trị thặng dư tương đối, cách mạng công nghiệp đã diễn ra.

Dưới đây là những điều chủ yếu về cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa:

i) Đó là quá trình đại phân công lao động xã hội, tách công nghiệp ra khỏi nông nghiệp, làm cho công nghiệp thành một ngành độc lập, biến công nghiệp dưới dạng tiểu thủ công $\Rightarrow$ đại công nghiệp cơ khí. Rốt cuộc, xác lập công nghiệp thành nền tảng kinh tế của nền sản xuất xã hội.

ii) Đại công nghiệp cấu trúc toàn nền kinh tế theo diện mạo và nguyên lý của mình - quá trình công nghiệp hóa. Quá trình này biến nền kinh tế thành một hệ thống công nghiệp, trong đó các ngành, các lĩnh vực của nền sản xuất xã hội trở thành những ngành, những lĩnh vực công nghiệp đặc thù.

iii) Đây là một cuộc cách mạng trong nội dung vật chất của nền sản xuất xã hội: phân công lao động xã hội $\Rightarrow$ hình thành và phát triển sức sản xuất xã hội của lao động và cách mạng kỹ thuật, thay kỹ thuật thủ công bằng kỹ thuật máy móc $\Rightarrow$ tăng vô hạn độ sức sản xuất của lao động lên. Có thể nói, cách mạng công nghiệp là quá trình xác lập lực lượng sản xuất đại công nghiệp, hình thành cơ sở về kỹ thuật đại công nghiệp $\Rightarrow$ xác lập sức sản xuất thích ứng của tư bản.

Như vậy, quá trình thị trường hóa, công nghiệp hóa $\Rightarrow$ xác lập phương thức sản xuất thị trường công nghiệp và cấu trúc thị trường - công nghiệp của hệ thống kinh tế phát triển.

• Các hệ thống cấu trúc chức năng trong hệ thống tổng thể kinh tế thị trường - công nghiệp:

i) Đại công nghiệp cấu trúc nền kinh tế thành hệ thống công nghiệp với các ngành, các lĩnh vực công nghiệp đặc thù. Đó là cơ cấu theo ngành, với ba lĩnh vực cơ bản: công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp.

ii) Hệ kinh tế thị trường cấu trúc nền kinh tế thành những lĩnh vực đầu tư kinh doanh và các doanh nghiệp kinh doanh thích ứng. Có thể nói, hệ thống doanh nghiệp là hệ thống cấu trúc chức năng cơ bản của nền kinh tế. Nó là người sản xuất ra thu nhập, do đó tạo ra sự giàu có của một quốc gia.

iii) Trên cơ sở phân ly quyền sử dụng khỏi quyền sở hữu và sự phân ly lợi tức khỏi lợi nhuận => quan hệ tín dụng, từ đây hình thành hệ thống tài chính của nền kinh tế => một cái bình cổ cong biến hóa và thúc đẩy sự vận động thăng tiến vốn cho nền kinh tế phát triển.

iv) Hệ thống các thị trường.

Ngoài những hệ thống cấu trúc chức năng chủ yếu trên còn các hệ thống khác như hệ thống lao động, hệ thống kết cấu hạ tầng, hệ thống thể chế... Tùy trình độ phát triển của nền kinh tế mà có những hệ thống chức năng mới phát sinh, cũng như các tương quan kinh tế theo các lát cắt đi sâu vào các quan hệ kinh tế sẽ thể hiện ra, chẳng hạn như cơ cấu xuất nhập khẩu, tích lũy và tiêu dùng, tiết kiệm và đầu tư

Tới đây ta thấy, bước chuyển biến lịch sử, chuyển từ làn sóng nông nghiệp sang làn sóng công nghiệp, thực chất là cuộc cách mạng trong phương thức sản xuất, xác lập phương thức sản xuất thị trường công nghiệp, kiến tạo nên nền kinh tế thị trường - công nghiệp. Có thể nói, *đây là cuộc đại cấu trúc lần thứ nhất nền kinh tế, xác lập hệ thống kinh tế thị trường - công nghiệp cho phát triển*. Ta có một số nhận xét về cuộc đại cấu trúc này:

i) Cuộc đại cấu trúc nền kinh tế lần thứ nhất chính là xác lập, kiến tạo nên hệ thống kinh tế thị trường - công nghiệp cho sự phát triển.

ii) Nó diễn ra trên hệ thống quan hệ kinh tế thị trường, được thúc đẩy bởi quy luật tăng lên của giá trị và được cấu trúc bởi cơ chế thị trường. Điều này hàm nghĩa, quá trình kiến lập nên hệ kinh tế thị trường - công nghiệp là quá trình xác lập phát triển của hệ kinh tế thị trường hay quá trình thị trường hóa nền kinh tế, đồng thời là quá trình cách mạng công nghiệp, công nghiệp hóa nền kinh tế thích ứng và đáp ứng yêu cầu tăng sức sản xuất, tăng hiệu quả của hệ kinh tế thị trường. Nói khác đi là xác lập hình thái kinh tế thị trường và lực lượng sản xuất công nghiệp cho sự phát triển.

iii) Mỗi một phương thức sản xuất, một cấu trúc kinh tế, một hệ thống, một bộ máy kinh tế có một năng lực, một sức sản xuất và một hiệu quả thích ứng. Nếu cùng một loại hình kinh tế, thì tùy vào trình độ phát triển và tùy vào tính hoàn thiện của cấu trúc kinh tế cùng như cơ chế và chế độ vận hành mà nền kinh tế có sức sản xuất, có hiệu quả thích ứng.

iv) Cấu trúc nền kinh tế có hai cấp độ: a) đó là hệ thống kinh tế tổng thể, là cấu trúc thị trường - công nghiệp. Quan hệ, quy luật và cơ chế kinh tế thị trường kiến tạo nên cấu trúc kinh tế thị trường - công nghiệp, đồng thời là cái chỉnh thể, là đời sống kinh tế của cấu trúc thị trường công nghiệp; b) các hệ thống chức năng và các tương quan kinh tế thích ứng. Chính các hệ thống chức năng là các cấu phần tất yếu cấu tạo nên hệ thống, hay bộ máy kinh tế. Ở đây, tính đồng bộ, tính hoàn chỉnh và sự tương tác thích ứng, hợp lý giữa các hệ thống chức năng cấu tạo nên hệ thống kinh tế là yếu tố quyết định nên tính hoàn chỉnh của bộ máy kinh tế, cũng như sự hoạt động tốt của cả bộ máy kinh tế. Ở đây cần nhấn mạnh, nhìn bề ngoài, hệ thống kinh tế là sự kết hợp của các hệ thống chức năng mà thành và sự vận hành của hệ thống đó là sự vận hành đồng bộ của các hệ thống chức năng. Bởi vậy, xem xét, đánh giá một hệ thống kinh tế về cấu trúc, có thể căn cứ vào tính đồng bộ, tính hoàn chỉnh và sự vận

hành theo chức năng của các hệ thống chức năng hợp thành hệ thống kinh tế tổng thể.

v) Cấu trúc của nền kinh tế được thiết lập và thay đổi bởi quy luật và cơ chế thị trường. Trong quá trình này, những đơn vị, những doanh nghiệp thích ứng với cơ chế thị trường và đáp ứng được các yêu cầu của quy luật kinh tế sẽ thăng tiến, trái lại sẽ bị phá sản, bị loại khỏi bộ máy kinh tế, rồi cuộc nền kinh tế luôn được cấu trúc thành một hệ thống, một cơ thể, một bộ máy kinh tế cần thiết cho sự phát triển. Mỗi một mức độ phát triển, hoàn thiện, đồng bộ của bộ máy kinh tế sẽ có một năng lực, một sức sản xuất và một hiệu quả thích ứng. Ở một ý nghĩa nhất định, quá trình điều chỉnh, thay đổi cấu trúc kinh tế như vậy đồng thời là quá trình đặt nền kinh tế vào đường sản lượng tiềm năng, cũng như mở rộng đường sản lượng tiềm năng và giúp nền kinh tế đạt được hiệu quả Pareto. Có thể nói, hệ thống kinh tế thị trường - công nghiệp là bộ máy tự điều chỉnh, tự cấu trúc dưới sự chi phối của cơ chế và quy luật của kinh tế thị trường.

1.2.3. Cấu trúc của nền kinh tế trong làn sóng phát triển hiện đại

Cấu trúc của nền kinh tế thị trường - công nghiệp mang tính chất cách mạng. Dưới sự thúc đẩy của cơ chế và quy luật kinh tế thị trường, cấu trúc của nền kinh tế luôn được thay đổi không ngừng về chất. Những biến đổi về chất được tích lũy và tích hợp trong hệ kinh tế thị trường - công nghiệp đã dẫn tới quá trình chuyển từ thời đại công nghiệp sang thời đại hậu công nghiệp, hay thời đại phát triển hiện đại. Mốc của bước chuyển từ thời đại công nghiệp sang thời đại hậu công nghiệp, đại phát triển hiện đại được đánh dấu bởi cuộc khủng hoảng 1929 - 1933. Cuộc khủng hoảng kinh tế này là trầm trọng => thay đổi trong phương thức sản xuất. Ở một ý nghĩa nhất định, theo cách diễn đạt của Schumpeter, đó là "sự phá hủy để sáng tạo". Có thể xem đây là cuộc đại cấu trúc lần thứ hai. Cuộc đại cấu trúc lần thứ hai: i) quá trình chuyển kinh tế thị trường cổ điển, cạnh

tranh tự do sang kinh tế thị trường hiện đại; ii) cách mạng khoa học - công nghệ => xác lập kinh tế tri thức; iii) quá trình toàn cầu hóa => xác lập nền kinh tế toàn cầu.

- Xác lập hệ kinh tế thị trường hiện đại cho sự phát triển hiện đại.

Sự chuyển biến có tính chất cách mạng trong phương thức sản xuất, xét ở mặt hình thái kinh tế, đó là chuyển từ kinh tế thị trường tự do sang kinh tế thị trường hiện đại. Chuyển kinh tế sang kinh tế thị trường hiện đại, diễn ra trên nền tảng các nguyên lý cơ bản, chung của kinh tế thị trường, do vậy, là sự tiến hóa và phát triển của bản thân các nguyên lý của kinh tế thị trường. Kinh tế thị trường hiện đại được đặc trưng bởi hai thuộc tính: vĩ mô và hỗn hợp.

- Kinh tế thị trường hiện đại là nền kinh tế vĩ mô. Đó là kết quả của sự phát triển của quan hệ giá trị, của cơ chế thị trường và quy luật tăng lên của giá trị. Sự phát triển này làm cho phương thức sản xuất và cấu trúc kinh tế thay đổi. Sự thay đổi này đã đạt tới một trình độ phát triển cao của quá trình xã hội hóa, dẫn tới hình thành các lực lượng kinh tế vĩ mô và các quan hệ kinh tế vĩ mô; đến lượt mình, làm cho nền kinh tế thành một cơ thể, một bộ máy, hay một hệ thống tổng thể duy nhất. Nền kinh tế không còn là phép cộng của các doanh nghiệp, do vậy, cũng không chỉ là sự tương tác giữa các cá nhân với thị trường. Theo chu trình kinh tế của Keynes, thì giờ đây tổng việc làm => tổng thu nhập => tổng chi tiêu => [chi cho tiêu dùng và chi cho đầu tư] => tổng cầu => tổng việc làm. Từ chu trình kinh tế của nền kinh tế vĩ mô, ta thấy: i) tổng thu nhập là do tổng hoạt động của toàn bộ nền kinh tế với tính cách là một cấu trúc tổng thể tạo ra. Nói khác đi, tổng thu nhập, cũng như tăng trưởng của toàn nền kinh tế, hay sự sinh lợi, sự tăng lên của tổng tư bản của nền kinh tế không phải chỉ do nỗ lực của từng tư bản tư nhân, hay của từng doanh nghiệp cộng lại, mà do năng lực chung, sức sản xuất và hiệu quả chung của toàn nền kinh tế tạo ra;

ii) điều hệ trọng nhất ở đây là tổng thu nhập => tổng cầu đã không có sự nhất trí, do giữa chúng không có sự liên hệ tự động. Thật vậy, trong khẩu chi tiêu đã xuất hiện một hành vi kinh tế quyết định: tiết kiệm. Tiết kiệm dẫn tới tiêu dùng giảm. Đương nhiên tiết kiệm, qua kênh ngân hàng (qua quan hệ tín dụng) dưới sự thúc đẩy của lãi suất tiền gửi, tiết kiệm => đầu tư. Nhưng điều này không làm thay đổi vấn đề, trái lại tiết kiệm xấu làm cho tổng cầu rơi vào bẫy hiệu ứng "quả tuyết" làm cho cung càng tăng nhanh hơn cầu, rồi cuộc sản xuất thừa hình thành và được tích lũy lại => hàng hóa không tiêu thụ được => sản xuất đình đốn, lao động bị sa thải. Đây là điểm khác biệt căn bản giữa kinh tế vĩ mô, kinh tế thị trường hiện đại và kinh tế thị trường tự do, cổ điển. Ở đây định luật Say hết hiệu lực, cung không tự động đẻ ra cầu và trong nền kinh tế có sự trục trặc lớn. Nhưng nền kinh tế vĩ mô không rơi vào sự sụp đổ, bởi vì trục trặc này trong chu trình kinh tế tự nó đặt ra vấn đề điều chỉnh để cho cầu khôi phục và nền kinh tế đi tới điểm cân bằng => kinh tế được đặt vào quá trình tăng trưởng. Việc điều chỉnh này chính là kích hoạt tổng cầu => tăng tổng cầu. Chu trình kinh tế của Keynes cho thấy, tiết kiệm và đầu tư không phải là toàn bộ của vớ kịch phát triển. Thật vậy, tiết kiệm quá mức => tiết kiệm xấu => giảm cầu hiệu quả chính là một nhân tố gây ra sự tác hại => khủng hoảng kinh tế. Vậy sự phát triển, về căn bản được quyết định bởi sự vận hành thông suốt của nền kinh tế vĩ mô, khiến cho chu trình kinh tế diễn ra bình thường và tránh được sự trục trặc từ tiết kiệm quá mức, làm tổng cầu hiệu quả giảm.

- Nền kinh tế thị trường hiện đại là nền kinh tế hỗn hợp. Tính hỗn hợp đặc thù ở đây được hình thành do xuất hiện chủ thể kinh tế công với hai chức năng kinh tế cơ bản: chủ thể của hàng hóa công và chủ thể quản lý công của sự phát triển kinh tế:

i) Trong làn sóng kinh tế hiện đại, đã diễn ra một sự thay đổi cơ bản, đó là sự tăng lên

ngày càng mạnh mẽ của hàng hóa công, và hơn nữa làm thay đổi quyết định vị trí, vai trò của hàng hóa công trong cấu trúc của sự phát triển. Vậy, ai là chủ thể của hàng hóa công? Đương nhiên một số loại hàng hóa công cũng có thể do tư nhân sản xuất và cung cấp, nhưng một phần lớn hàng hóa công nhà nước sản xuất và cung ứng cho xã hội. Điều quan trọng và quyết định là nhà nước trở thành chủ thể kinh tế công: nhà nước là người nắm các nguồn tài chính công trong việc đáp ứng các nhu cầu công của toàn bộ hoạt động kinh tế, xã hội. Hiện nay, trong điều kiện phát triển hiện đại, ngân sách nhà nước chiếm tối thiểu khoảng 30% GDP, đối với các nước phát triển cao (OECD) thường tỷ lệ này đạt tới 50% GDP, thậm chí là tới 70% GDP. Một phần thu nhập này dùng cho hoạt động của bộ máy nhà nước và phần quan trọng còn lại dùng cho chi tiêu hàng hóa và dịch vụ công. Mặt khác, nhà nước trở thành chủ thể công không chỉ ở chỗ nhà nước nắm và chi phối một phần lớn thu nhập quốc dân, tài sản công và tài chính công, mà còn ở chỗ nhà nước tham gia vào chu trình kinh tế và vào quan hệ chi phí - lợi nhuận. Vì vậy, nhà nước trở thành một chủ thể kinh tế đầy đủ. Điều này hàm nghĩa, đã có một sự chuyển hóa trong cấu trúc của nền kinh tế: nhà nước không chỉ thuộc thượng tầng kiến trúc chính trị - xã hội, mà đã nội sinh hóa, chuyển hóa thành một chủ thể kinh tế trong cấu trúc nội tại của nền kinh tế. Giờ đây, trong nền kinh tế không chỉ có duy nhất chủ thể kinh tế tư nhân, mà còn có chủ thể kinh tế công. Ở một ý nghĩa nhất định, nền kinh tế thị trường hiện đại đã là một cấu trúc nhị nguyên, gồm hai cấu phần: kinh tế tư nhân và kinh tế công do nhà nước làm chủ thể. Hai cấu phần này là hai cấu phần đặc thù, có chức năng và vị trí, vai trò khác nhau trong một bộ máy kinh tế tổng thể.

Cấu trúc nhị nguyên này là sản phẩm của sự phát triển, khi kinh tế đạt tới sự phát triển hiện đại, đến lượt mình cấu trúc

này làm cho hệ kinh tế thị trường hiện đại trở thành hệ kinh tế của sự phát triển hiện đại.

ii) Chức năng điều tiết, quản lý sự phát triển

+ Thuận hóa chu kỳ. Trong chu trình kinh tế hiện đại, trục trục có khả năng xảy ra. Nhưng bản thân hệ thống kinh tế thị trường hiện đại lại chứa đựng những cơ sở, điều kiện để khắc phục những trục trục đó. Đó chính là các quan hệ vĩ mô, đặt biệt là quan hệ tiền tệ, tài chính là các quan hệ có chức năng như là mạch máu và hệ thần kinh trong cơ thể động vật, nhờ đó, có thể tác động vào những quan hệ này => điều chỉnh tổng cầu => công ăn việc làm => tăng trưởng. Điều quan trọng là giữa quan hệ vĩ mô và những tương tác trong chu trình kinh tế không có mối liên hệ tự động, vì vậy những tác động vào quan hệ tiền tệ, tài chính là những tác động nằm ngoài chu trình kinh tế. Vì thế, để hướng các quan hệ tiền tệ, tài chính vào chu trình kinh tế, để điều chỉnh những trục trục trong chu trình kinh tế là có tính chủ quan và được thực hiện bởi nhà nước. Ở đây ta thấy chức năng phát triển của nhà nước xuất hiện. Đó là chức năng điều chỉnh chu trình kinh tế để nền kinh tế vượt qua được những trục trục dẫn tới khủng hoảng chu kỳ, thực chất là đưa nền kinh tế vào đường sản lượng tiềm năng => đạt hiệu quả tiềm năng.

+ Tham gia phân bổ các nguồn lực => nuôi dưỡng, thúc đẩy sự phát triển và phân phối lại thu nhập => tăng phúc lợi và sự phân thịnh.

+ Xác lập thể chế và khung pháp luật thích ứng => nuôi dưỡng và bảo vệ hệ thống kinh tế thị trường cho sự phát triển; khắc phục các ngoại ứng và thất bại của thị trường.

+ Là người xúc tiến các quan hệ kinh tế đối ngoại, giúp nền kinh tế hội nhập hiệu quả vào tiến trình phát triển hiện đại toàn cầu.

+ Là một tác nhân quyết định trong việc bảo vệ môi trường, đặt kinh tế vào sự phát triển hiện đại.

Như vậy, nhà nước trở thành chủ thể kinh tế công, thành người quản lý, quản trị công của sự phát triển là một chuyển biến căn bản nội tại của hệ thống kinh tế và là một sự thay đổi căn bản trong cấu trúc của nền kinh tế. Đây là nét đặc trưng cơ bản của kinh tế thị trường hiện đại.

- Nền kinh tế thị trường hiện đại là nền kinh tế tiền tệ với quan hệ tài chính phát triển. Sự phát triển hiện đại có sự thay đổi sâu sắc trong hệ thống tiền tệ - tài chính. *Một là*, tiền tệ là một biến số danh nghĩa, trở thành động lực của sự phát triển. Lý thuyết kinh tế tiền tệ của Milton Friedman cho rằng, sự vận động của nền kinh tế thực chất là sự vận động của tiền tệ: lượng tiền tệ và cấu trúc của các loại tiền tệ => ảnh hưởng quyết định đến mức tăng trưởng kinh tế và sự vận động của tiền tệ lại theo những quy luật nội tại của mình, trong khi chính sách tiền tệ của chính phủ là ít có tác dụng. *Hai là*, trong nền kinh tế thị trường hiện đại, quyền sử dụng tách khỏi quyền sở hữu, quan hệ tín dụng với phạm trù lợi tức đã khiến cho nền kinh tế có một cơ chế đặc biệt mạnh mẽ và hữu hiệu để mọi nguồn thu nhập ở các dạng khác nhau được thu hút vào chu trình kinh tế sinh lợi và biến thành tư bản hoạt động. Có thể nói hệ thống tín dụng ở các dạng khác nhau, nhất là với thị trường chứng khoán, đã tạo ra một chiếc bình cổ cong ma thuật để cho xã hội hiện đại thành một hệ thống sinh lợi có một công suất và hiệu suất tột đỉnh.

• Cách mạng khoa học - công nghệ, xác lập lực lượng sản xuất của sự phát triển hiện đại, chuyển kinh tế công nghiệp => kinh tế tri thức.

Sự phát triển hiện đại được đặc trưng bởi cuộc cách mạng khoa học - công nghệ. Đây là cuộc cách mạng sâu sắc và triệt để nhất toàn bộ nội dung vật chất của hệ thống kinh tế công nghiệp. i) nhân loại, *một mặt*, đã đi sâu vào bản chất vật chất của thế giới, khám phá ra các quy luật của vật chất, và *mặt khác*, đã vật chất hóa những tri thức về thế giới vật

chất => công nghệ thích ứng, có thể nói tri thức khoa học và công nghệ hiện đại là lực lượng sản xuất đặc trưng của sự phát triển hiện đại. Nó đã thay đổi hoàn toàn phương thức sản xuất => tăng vọt sức sản xuất và giúp cho nhân loại ngày càng tiến sâu trong việc kiểm soát, chi phối quan hệ giữa con người và thiên nhiên, một sự kiểm soát => thay đổi số phận của con người, của nhân loại; ii) điều hệ trọng nhất trong cuộc cách mạng khoa học - công nghệ là tri thức đã trở thành một hàng hóa, một lĩnh vực kinh doanh, thành một ngành kinh tế - kinh tế tri thức. Giờ đây kinh tế tri thức không chỉ là một ngành kinh tế độc lập, mà điều quyết định, kinh tế tri thức trở thành nền tảng của nền kinh tế, thành cái chỉnh thể cấu trúc nền sản xuất xã hội theo diện mạo và nguyên lý của mình. Đây là điểm then chốt để hiểu cấu trúc của kinh tế phát triển hiện đại. Nó chuyển kinh tế lên một trình độ, một tầng phát triển khác về chất: phát triển hậu công nghiệp, phát triển hiện đại. Ở một ý nghĩa nhất định, chuyển kinh tế sang kinh tế hậu công nghiệp hay chuyển sang thời đại kinh tế tri thức, đồng thời là quá trình công nghiệp hóa, quá trình cấu trúc nền kinh tế công nghiệp thành kinh tế tri thức.

• Quá trình toàn cầu hóa => xác lập nền kinh tế toàn cầu.

Cách mạng khoa học - công nghệ là một cuộc đại phân công lao động xã hội (phân công lao động xã hội trên phạm vi toàn cầu). Đây không chỉ là tiếp nối phân công lao động trong làn sóng công nghiệp, mà một cuộc đại phân công làm thay đổi hoàn toàn cấu trúc nền kinh tế: i) sự phân công lao động toàn cầu có thuộc tính đặc thù của mình: biến sản phẩm thành chuỗi sản phẩm và các bộ phận của sản phẩm, các khâu sản xuất được chuyên môn hóa bởi các công ty thuộc các quốc gia khác nhau, một cuộc, phân công lao động toàn cầu => đã biến sản xuất thành một quá trình toàn cầu. Giờ đây thế giới là một mạng sản xuất được thiết lập bởi sự nối kết các chuỗi sản phẩm. Đến lượt mình, các

chuỗi sản phẩm toàn cầu => chuỗi dịch vụ toàn cầu. Rốt cuộc nối kết các chuỗi sản phẩm - dịch vụ toàn cầu thành mạng sản xuất - dịch vụ toàn cầu. Chính mạng sản xuất - dịch vụ toàn cầu thiết lập nên nền sản xuất, hay nền kinh tế toàn cầu. ii) Việc thiết lập mạng sản xuất - dịch vụ toàn cầu => một kết quả hai mặt: a) mạng sản xuất - dịch vụ toàn cầu là cơ sở và khung khổ tải sản xuất và phát triển của các nền kinh tế; b) nó phá vỡ kết cấu khép kín tự tải sản xuất của hệ thống sản xuất công nghiệp của các quốc gia: đây là sự thay đổi căn bản trong cấu trúc kinh tế và những thay đổi này cho ta những nhận xét:

- Cấu trúc của các nền kinh tế dân tộc bị phá vỡ và được cấu trúc thành các mắt khâu của mạng sản xuất - dịch vụ toàn cầu. Ở một ý nghĩa nhất định là quá trình hội nhập nền kinh tế quốc gia vào nền kinh tế toàn cầu. Thực ra, đây không đơn thuần là sự hội nhập, vì đó không phải là một sự lựa chọn chủ quan của các quốc gia. Hơn nữa, đó không đơn giản chỉ là việc một quốc gia tham gia vào một hệ thống chung, mà là quá trình nền kinh tế quốc gia được cấu trúc thành một mắt khâu của mạng sản xuất - dịch vụ toàn cầu, do đó chuyển thành một cấu phần đặc thù của một hệ thống tổng thể toàn cầu.

- Hình thái kinh tế của mạng sản xuất - dịch vụ toàn cầu là hệ kinh tế thị trường toàn cầu, vì vậy khi các nền kinh tế dân tộc được cấu trúc thành các mắt khâu của hệ thống toàn cầu, thì chính các quy luật và cơ chế của hệ thống toàn cầu là cái chi phối, cấu trúc nền kinh tế theo diện mạo và nguyên lý của nó.

- Mạng sản xuất - dịch vụ toàn cầu là cái chứa đựng tiến trình phát triển hiện đại, vì vậy, đặt trong mạng sản xuất - dịch vụ toàn cầu, các nền kinh tế quốc gia sẽ vận động, phát triển trong tiến trình phát triển hiện đại toàn cầu. Đối với các nước đang phát triển, khi nền kinh tế hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu, tức hội nhập vào tiến trình phát triển hiện đại, thì nền kinh tế sẽ được hiện

dại hóa theo phương thức sản xuất và kết cấu kinh tế của tiến trình phát triển hiện đại. Điều này hàm nghĩa sự phát triển của các nước đang phát triển sẽ thực hiện sự phát triển không theo các quy luật của làn sóng phát triển công nghiệp, trái lại phát triển thực hiện theo quy luật phát triển hiện đại và nhờ đó, có thể cùng lúc vượt qua hai làn sóng phát triển: làn sóng nông nghiệp và làn sóng công nghiệp để chuyển sang sự phát triển hiện đại. Điều này cũng tức là sự phát triển sẽ được rút ngắn và vượt qua bảy thu nhập trung bình.

Như vậy, kinh tế thị trường hiện đại, kinh tế tri thức dựa trên cách mạng khoa học - công nghiệp hiện đại và kinh tế toàn cầu là những yếu tố tạo thành cấu trúc của nền kinh tế phát triển hiện đại. Chuyển sang làn sóng phát triển hiện đại thực chất là sự thay đổi căn bản trong phương thức sản xuất và trong kết cấu kinh tế, do đó có thể nói, đây là cuộc đại cấu trúc thứ hai trong tiến trình phát triển kinh tế của nhân loại.

- Sự hình thành và sụp đổ cấu trúc kinh tế mô hình Xô Viết.

Trong thế kỷ XX, trường hợp ra đời và sụp đổ của nền kinh tế Xô Viết có thể coi là sự thất bại của một dạng đại cấu trúc kinh tế. Việc kiến tạo nên hệ thống kinh tế Xô Viết, một kiểu cấu trúc kinh tế đặc thù nhằm vào việc giải quyết vấn đề phát triển kinh tế. Tuy nhiên, việc xác lập hệ thống kinh tế Xô Viết, xét cho cùng là sự áp đặt một mô hình kinh tế phi thị trường không nằm trong sự tiến hóa tự nhiên của kinh tế vào nền kinh tế của các nước kém phát triển. Có thể nói, sự hình thành nền kinh tế Xô Viết không phải là quá trình kinh tế tự cấu trúc theo những quy luật nội tại của mình. Thực ra, hệ thống kinh tế đó do chính quyền Xô Viết tổ chức ra theo những giáo

điều không phù hợp với quy luật của sự phát triển. Rốt cuộc, vào cuối thập niên 80 và đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, hệ thống kinh tế mô hình Xô Viết đã hoàn toàn bị sụp đổ. Sự sụp đổ này cho thấy, không nằm trong quy luật phát triển của kinh tế, vì vậy không phải là hệ kinh tế tất yếu của sự phát triển, cho nên dù nỗ lực bao nhiêu, rốt cuộc hệ kinh tế được kiến lập bởi những ý chí chủ quan của con người cũng rơi vào bế tắc và sụp đổ. Theo quy luật của sự phát triển, khi mô hình Xô Viết sụp đổ, kinh tế của các nước XHCN, Liên Xô, các nước Đông Âu, Trung Quốc, Việt Nam (trừ Triều Tiên và Cu Ba) đã nhất loạt chuyển sang kinh tế thị trường.

Việc mô hình kinh tế Xô Viết sụp đổ và các nước XHCN chuyển sang kinh tế thị trường nhấn mạnh thêm: i) “sự phát triển của những hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên” tức một quá trình tuân theo những quy luật nội tại của sự phát triển kinh tế; ii) hệ kinh tế tất yếu của sự phát triển, chính hệ kinh tế này kiến tạo, cấu trúc nên bộ máy kinh tế thị trường - công nghiệp cho sự phát triển; iii) việc áp đặt những mô hình nằm ngoài tiến trình phát triển nội tại của kinh tế thị trường, hơn nữa trái và chống lại các quy luật kinh tế thị trường vào nền kinh tế thực chất là cách tổ chức nền kinh tế theo những ý muốn chủ quan, cho nên dù những mong muốn có tốt đẹp tới đâu, hệ thống kinh tế đó cũng bị sụp đổ. Rốt cuộc, cấu trúc hình thành nên những hệ thống kinh tế cho sự phát triển đó là công việc của các quy luật nội tại, của bản thân sự phát triển. Sự tham dự của con người chỉ có ý nghĩa thúc đẩy và làm cho các quá trình diễn ra có hiệu quả hơn mà thôi.

(Còn nữa)